

BẢNG ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC NĂM HỌC 2023-2024  
Trường Tiểu học: Thị trấn Tứ Kỳ

| Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm KT (đ) |       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|-------------|-------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |            |              |             | 100   |
| A. XÂY DỰNG CÁC HỆ ĐIỀU KIỆN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 670        | 659          | 644         | 39,88 |
| I. ĐỘI NGŨ SƯ PHẠM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 45         | 40           | 39          | 2,68  |
| 1. Có sổ phân công chuyên môn; phân công chuyên môn hợp lý khoa học (Thiếu mỗi loại trừ 5 điểm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 10         | 10           | 10          | 0,60  |
| 2. Có kế hoạch và thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng CBGV, tạo điều kiện giúp CBGV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có hiệu quả.                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 10         | 10           | 10          | 0,60  |
| 3. Tham gia có hiệu quả hoạt động chuyên môn liên trường, cụm trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5          | 5            | 5           | 0,30  |
| 4. Thực hiện đánh giá xếp loại CBGV hàng năm đầy đủ theo đúng quy định. (Kiểm tra phiếu đánh giá xếp loại CBGV năm học 2022-2023, thiếu 1 phiếu trừ 2 điểm).                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5          | 5            | 5           | 0,30  |
| 5. Tập thể CBGV đoàn kết, phát huy tốt dân chủ ở cơ sở, không có CBGV vi phạm điều lệ nhà trường, vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm chính sách, pháp luật, ... có 1 trường hợp vi phạm trừ 5 điểm                                                                                                                                                                                                                             | 5          | 0            | 0           | 0,30  |
| 6. Làm tốt công tác bồi dưỡng tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, 100% CBGV tham gia tốt các cuộc vận động, phong trào thi đua trong năm học.                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5          | 5            | 4           | 0,30  |
| 7. Trình độ chuyên môn (Theo Luật Giáo dục 2019): Đạt chuẩn 100%: 5đ, Dưới chuẩn: trường có GV trình độ chuyên môn dưới chuẩn (Bảng CĐSP trở xuống) trừ 1đ/1GV theo lộ trình                                                                                                                                                                                                                                                  | 5          | 5            | 5           | 0,30  |
| II. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 85         | 83           | 80          | 5,06  |
| 1. Có đủ phòng học, phòng làm việc, có các phòng chức năng (Điều 10, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT); thiếu 1 phòng trừ 0.5 điểm (trừ tối đa 5 điểm/khối phòng trên)                                                                                                                                                                                                                                                               | 15         | 13           | 13          | 0,89  |
| 2. Phòng Hội đồng trang trí đẹp, khoa học; đủ trang thiết bị: Bàn ghế, loa máy, ánh sáng, kết nối Internet ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5          | 5            | 5           | 0,30  |
| 3. Đảm bảo đủ thiết bị dạy học, có các TBDH hiện đại, sử dụng có hiệu quả.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5          | 5            | 5           | 0,30  |
| 4. Cổng trường, tường bao an toàn; Có công trình vệ sinh riêng cho GV, HS đạt chuẩn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5          | 5            | 5           | 0,30  |
| 5. Có sân chơi, bãi tập đúng quy định (Tỉ lệ không dưới 30% diện tích; TCQG sân tập có mái che)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5          | 5            | 5           | 0,30  |
| 6. Trang trí trường, lớp học theo hướng "Đổi mới không gian lớp học, xây dựng lớp học thân thiện". Mỗi lớp học không được trang trí hoặc trang trí không đạt trừ 1 điểm.                                                                                                                                                                                                                                                      | 20         | 20           | 19          | 1,19  |
| 7. Sử dụng phần mềm quản lý thư viện: 5đ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5          | 5            | 5           | 0,30  |
| 8. Có phòng Thư viện riêng biệt để hoạt động: 5 điểm; đạt mức độ I các tiêu chuẩn: 10 điểm; đạt mức độ II: 15 điểm.<br>Quản lý và hoạt động thư viện (Sử dụng phần mềm quản lý thư viện, tổ chức các hoạt động giới thiệu sách, mượn, đọc thường xuyên, có hoạt động liên thông thư viện). Hoạt động: Tốt: 5đ, Khá: 3đ; Đạt: 2đ; Chưa đạt: 0đ<br>Lưu ý: Kinh phí mua bổ sung cho TV hàng năm đạt tối thiểu 7.000.000đ/đơn vị. | 20         | 20           | 18          | 1,19  |
| 9. Hồ sơ quản lý CSVC (sổ theo dõi, kiểm kê tài sản, biên bản bàn giao việc quản lý CSVC cho các bộ phận, cá nhân phụ trách hàng năm). Thiếu 1 loại sổ không cho điểm.                                                                                                                                                                                                                                                        | 5          | 5            | 5           | 0,30  |
| III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 80         | 80           | 80          | 4,76  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |           |           |             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-------------|
| 1. Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng đủ các loại kế hoạch theo quy định ( <i>thiếu một KH trừ 2 điểm</i> ).                                                                                                                                                                                                                                                                          | 10        | 10        | 10        | 0,60        |
| 2. Hiệu trưởng, Ban chuyên môn có đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định của Điều lệ trường tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                               | 10        | 10        | 10        | 0,60        |
| 3. Ban hành văn bản và quản lý văn bản theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP; Lưu trữ đầy đủ các văn bản chỉ đạo của cấp trên, hồ sơ quản lý hành chính của nhà trường sắp xếp khoa học.                                                                                                                                                                                                 | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 4. CBQL thực hiện đúng việc giảng dạy và dự giờ theo quy định, có đầy đủ hồ sơ giảng dạy.                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 5. CBQL có biện pháp đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý giáo dục (việc làm cụ thể, hồ sơ minh chứng).                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 6. Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ; quy chế làm việc; quy chế Hội đồng trường, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế đã xây dựng ( <i>thiếu 1 hồ sơ trừ 2đ</i> )                                                                                                                                                                                                     | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 7. Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT; Thông tư 61/TT-BTC, <b>Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT</b> ( <i>có đủ hồ sơ đúng quy định</i> )                                                                                                                                                                                                                             | 10        | 10        | 10        | 0,60        |
| 8. Quản lý tốt hồ sơ CC-VC và HĐLĐ, sử dụng đội ngũ hợp lý; ứng dụng CNTT vào việc quản lý nhân sự. Hoàn thành kịp thời báo cáo dữ liệu ngành theo quy định                                                                                                                                                                                                                     | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 9. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách theo quy định đối với CBGV ( <i>thực hiện chậm trừ 3 điểm, sai trừ 5 điểm</i> )                                                                                                                                                                                                                                                           | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| <b>10. Tuyên truyền, tổ chức triển khai các hoạt động dịch vụ giáo dục đảm bảo đúng quy định.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>10</b> | 10        | 10        | 0,60        |
| 11. Quản lý chặt chẽ, thực hiện tốt các quy định về dạy buổi 2.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 10        | 10        | 10        | 0,60        |
| <b>IV. CÔNG TÁC XÃ HỘI HOÁ GIÁO DỤC</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>40</b> | <b>40</b> | <b>40</b> | <b>2,38</b> |
| 1. Làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền; tuyên truyền, xây dựng kế hoạch triển khai công tác vận động, tài trợ theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ( <i>có đầy đủ hồ sơ theo quy định, thiếu mỗi loại trừ 3 điểm</i> )                                                                                                                                                 | 10        | 10        | 10        | 0,60        |
| 2. Phối kết hợp tốt với các ban ngành đoàn thể, phụ huynh HS ... qua những việc làm cụ thể, thể hiện trên hồ sơ lưu.                                                                                                                                                                                                                                                            | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 3. Ban đại diện Cha mẹ HS thực hiện tốt những hoạt động theo Điều lệ quy định của Bộ GDĐT, có Hồ sơ minh chứng ( <i>Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT</i> )                                                                                                                                                                                                                          | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 4. Huy động được các nguồn lực xã hội để phát triển GD ( <i>Trường dưới 15 lớp: Từ 100 triệu trở lên: 20đ; từ trên 80–dưới 100 triệu: 15đ; dưới 80 triệu: 10đ; Trường từ 16-20 lớp: Từ 150 triệu trở lên: 20đ; từ trên 100–dưới 150 triệu: 15đ; dưới 100 triệu: 10đ; Trường trên 21 lớp: Từ 200 triệu trở lên: 20đ; từ trên 180–dưới 200 triệu: 15đ; dưới 180 triệu: 10đ</i> ). | 20        | 20        | 20        | 1,19        |
| <b>V. CÔNG TÁC KIỂM TRA NỘI BỘ TRƯỜNG HỌC</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>70</b> | <b>70</b> | <b>70</b> | <b>4,17</b> |
| 1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, có QĐ thành lập ban KTNB, huy động lực lượng tham gia công tác kiểm tra đảm bảo số lượng, chất lượng.                                                                                                                                                                                                                                     | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 2. Phổ biến đến từng CB-GV đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giáo dục và đào tạo và các văn bản chỉ đạo của ngành.                                                                                                                                                                                                                                            | 10        | 10        | 10        | 0,60        |
| 3. Trong năm học số GV được kiểm tra CMNV, kiểm tra theo chuyên đề đạt 100% theo quy định; lưu giữ đủ hồ sơ, biên bản ( <i>Kiểm tra hồ sơ thực hiện theo Kế hoạch, nếu thiếu 1 nội dung trừ 5 điểm, không đủ chỉ tiêu trừ 2 điểm</i> )                                                                                                                                          | 15        | 15        | 15        | 0,89        |
| 4. Trong năm học các bộ phận được kiểm tra ít nhất 1 lần: Tổ chuyên môn, Đội Thiếu niên, Thư viện, Thiết bị, Y tế trường học, Tài chính và CSVC, Văn thư hành chính, Bán trú ( <i>nếu có</i> ); lưu giữ đủ hồ sơ, biên bản ( <i>Kiểm tra hồ sơ thực hiện theo Kế hoạch, nếu thiếu 1 nội dung trừ 2 điểm</i> ).                                                                  | 15        | 15        | 15        | 0,89        |
| 5. Báo cáo sơ kết công tác kiểm tra nội bộ học kỳ I năm học 2023-2024                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 6. Sổ kiểm tra của hiệu trưởng ghi chép, cập nhật, lưu giữ khoa học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 7. Chấp hành nghiêm túc sự điều động CBGV của cấp trên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5         | 5         | 5         | 0,30        |
| 8. Ban thanh tra nhân dân có kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện đúng chức năng, có hiệu quả, lưu giữ đầy đủ hồ sơ.                                                                                                                                                                                                                                                           | 5         | 5         | 5         | 0,30        |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |            |            |              |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|--------------|
| 9. Giải quyết tốt các vụ việc tại cơ sở. Không để có đơn thư (các vụ việc trong thẩm quyền cơ sở giải quyết được) vượt cấp. Nếu có đơn thư vượt cấp trừ 3đ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5          | 5          | 5          | 0,30         |
| <b>VI. GIẢI PHÁP TRONG ĐIỂM - ĐỘT PHÁ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>270</b> | <b>266</b> | <b>255</b> | <b>16,07</b> |
| <b>1. Trường học chuyển đổi số</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>70</b>  | <b>68</b>  | <b>67</b>  | <b>4,17</b>  |
| 1.1. Kế hoạch (có thể tích hợp) nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5          | 5          | 5          | 0,30         |
| 1.2. Quản lý, chỉ đạo (8đ)<br>+ Thực hiện hiệu quả các công cụ quản lý theo quy định: Sử dụng thành thạo Sổ điểm điện tử; trường trực tuyến, CSDL, Temis, Quản lý CB-VC (Misa),... (8đ),<br>Tốt: 8đ, Khá: 6đ, Đạt: 4đ<br>+ Các khoản thu không dùng tiền mặt (7đ): Tốt: 7đ, Khá: 5đ, Đạt: 3đ                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 15         | 13         | 12         | 0,89         |
| 1.3. Hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá (15đ)<br>+ Kế hoạch bài dạy của GV soạn đảm bảo thể thức, khoa học, tích cực sử dụng các phần mềm, công nghệ trong dạy học (8đ); Tốt: 8đ, Khá: 6đ, Đạt: 4đ<br>+ Thực hiện nộp, duyệt bài soạn tên phần mềm điện tử (2đ)<br>+ Áp dụng các phần mềm trong dạy học, kiểm tra đánh giá (5đ)<br>(Tốt: 5đ, Khá: 3đ, Đạt: 2đ)                                                                                                                                                                                                                                 | 15         | 15         | 15         | 0,89         |
| 1.4. Truyền thông trên Fanpage (10đ)<br>Bài đăng theo chủ điểm, chuyên đề, hoạt động giáo dục phong phú đa dạng<br>(Tốt: 10, Khá: 7, Đạt: 5đ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 1.5. Cơ sở vật chất đáp ứng (20đ)<br>+ Thiết bị đáp ứng công tác chuyển đổi số của tổ CNTT, tổ CM, CBQL (3đ)<br>+ Phòng học trực tiếp kết hợp trực tuyến (có đủ máy tính, camera, loa, internet tốc độ cao,...): tối đa 5đ<br>+ Phòng học có thiết bị phục vụ dạy và học (máy chiếu, bảng tương tác, tivi, âm thanh, máy vi tính,...). Tỷ lệ: đạt 100% số phòng: 10 đ; cứ 10% đạt 1đ.<br>+ Số máy tính phục vụ hoạt động hành chính, chuyên môn: Tối thiểu 06 máy (gồm máy tính phục vụ hoạt động của HT, PHT, Văn thư, KT, TV, TB; đối với trường chuẩn cần có máy tính đặt tại phòng tổ CM): 2đ | 20         | 20         | 20         | 1,19         |
| 1.6. Giải pháp mới, sáng tạo (5đ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5          | 5          | 5          | 0,30         |
| <b>2. Trường học điển hình về dạy và học tiếng Anh (Có biên bản kiểm tra đính kèm, thang điểm 100)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>100</b> | <b>100</b> | <b>97</b>  | <b>5,95</b>  |
| <b>3. Trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, hạnh phúc (Biên bản kiểm tra đính kèm, thang điểm 100)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>100</b> | <b>98</b>  | <b>91</b>  | <b>5,95</b>  |
| <b>VII. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH (Có biên bản sau)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |            |            |            | <b>0,00</b>  |
| 1. Sử dụng các nguồn kinh phí: NSNN cấp, các khoản thu chi thỏa thuận; xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ ... đúng mục đích, đúng quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |            |            | 0,00         |
| 2. Mở sổ theo dõi tất cả các khoản thu - chi trong trường, các khoản thu - chi đảm bảo theo đúng quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |            |            |            | 0,00         |
| 3. Chứng từ thu - chi (nguồn ngoài ngân sách) đảm bảo hợp pháp, hợp lý theo quy định của tài chính; ghi chép, lưu giữ đầy đủ, khoa học (10đ); Hồ sơ thu - chi buổi 2 học kỳ I (10đ),                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |            |            | 0,00         |
| 4. Thực hiện công khai tài chính định kỳ theo Thông tư 36/TT-BGDĐT; Thông tư 61/2017/TT-BTC, các nguồn kinh phí có báo cáo quyết toán theo quý, năm học và năm tài chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |            |            | 0,00         |
| <b>VIII. CÔNG TÁC XÂY DỰNG TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>50</b>  | <b>50</b>  | <b>50</b>  | <b>2,98</b>  |
| 1. Xây dựng kế hoạch tham mưu trường đạt chuẩn quốc gia, kế hoạch tự đánh giá hàng năm đầy đủ theo hướng dẫn của Phòng GDĐT (Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT)<br>(TCQG vẫn phải xây dựng KH hàng năm (không có KH không cho điểm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 2. Hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo kế hoạch đăng ký theo Thông tư 17/2018 của đơn vị (Không có không cho điểm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 3. Có danh mục mã thông tin minh chứng; Có đủ số hộp (cấp) đã được mã hóa trong báo cáo (Thiếu 1 loại không cho điểm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 10         | 10         | 10         | 0,60         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |            |            |              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|--------------|
| 4. Hệ thống thông tin minh chứng được cập nhật đầy đủ, hồ sơ minh chứng được mã hóa lưu giữ trong 5 năm. (Thiếu 1 năm trừ 5 điểm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 5. Hiệu quả của công tác tham mưu (Căn cứ kết quả theo kế hoạch đăng ký)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| <b>IX. CÔNG TÁC THI ĐUA, TỔNG HỢP BÁO CÁO</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>30</b>  | <b>30</b>  | <b>30</b>  | <b>1,79</b>  |
| 1. Xây dựng được biểu điểm đánh giá thi đua năm học với các tiêu chuẩn cụ thể chi tiết để đánh giá HT, PHT, GV, NV và được lượng hoá bằng điểm số (Không có biểu điểm không cho điểm)                                                                                                                                                                                                                                               | 5          | 5          | 5          | 0,30         |
| 2. Có đủ Hồ sơ đánh giá thi đua các đợt trong năm học theo kế hoạch, được công khai tới CBGV.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 3. 100% CBGV đăng ký danh hiệu thi đua trong năm học theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5          | 5          | 5          | 0,30         |
| 4. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai trong việc bình xét các danh hiệu thi đua bám sát các tiêu chí, không nể nang, không vị thành tích.                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5          | 5          | 5          | 0,30         |
| 5. Nộp đủ, đúng quy định các loại báo cáo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5          | 5          | 5          | 0,30         |
| <b>B. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>725</b> | <b>710</b> | <b>707</b> | <b>43,15</b> |
| <b>I. VỀ SỐ LƯỢNG VÀ PHỔ CẬP, CHỐNG MÙ CHƯỠ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>60</b>  | <b>60</b>  | <b>60</b>  | <b>3,57</b>  |
| 1. Thực hiện đúng kế hoạch, duy trì sĩ số cả năm không có HS bỏ học (có HS bỏ học không cho điểm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 2. Có sổ theo dõi sĩ số hàng ngày, sổ chuyển đi, chuyển đến rõ ràng, ghi chép tốt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 3. Hồ sơ phổ cập đầy đủ, đúng mẫu, số liệu chính xác, ghi chép rõ ràng, cập nhật thường xuyên; HTQL PCGD-XMC được cập nhật đầy đủ, đúng quy định, số liệu chính xác (Kết quả kiểm tra PCGDTHCS 2021, mỗi bậc giảm trừ 0,5đ).                                                                                                                                                                                                        | 20         | 20         | 20         | 1,19         |
| 4. Đạt Phổ cập GDTHĐĐT mức độ 3 - năm 2023.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 5. Tuyển sinh đúng quy định, tuyển 100% HS 6 tuổi vào lớp 1, hồ sơ HS chuyển đến phải đủ thủ tục (sổ chuyển đi, chuyển đến đúng quy định).                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| <b>II. CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN :</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>665</b> | <b>650</b> | <b>647</b> | <b>39,58</b> |
| <b>1. Giáo dục đạo đức, nếp sống</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>60</b>  | <b>60</b>  | <b>60</b>  | <b>3,57</b>  |
| 1.1. Có các biện pháp giáo dục đạo đức HS hiệu quả thông qua nội quy nhà trường, hồ sơ của GVCN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 1.2. Thực hiện tốt các chương trình giáo dục đạo đức; Hoạt động Đoàn Đội phong phú, sinh động. Dạy đủ 2 chuyên đề về "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị"; tích hợp tài liệu "Bác Hồ với những bài học về đạo đức học sinh". Hồ sơ minh chứng: văn bản chỉ đạo, kế hoạch, giáo án (hoặc giáo án có tích hợp nội dung trên), thực hiện giảng dạy tốt. | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 1.3. Trường có tủ sách giáo dục đạo đức, tủ sách giáo dục pháp luật sử dụng có hiệu quả.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 1.4. HS chấp hành tốt nội quy, không có HS vi phạm pháp luật, mắc tệ nạn xã hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 1.5. HS tham gia đủ các hoạt động ủng hộ, nhân đạo, từ thiện do cấp trên phát động trong năm học; kiểm tra giấy biên nhận, chứng từ cụ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| 1.6. Có bảng tin hoạt động của liên Đội, sử dụng có hiệu quả.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 10         | 10         | 10         | 0,60         |
| <b>2. Giáo dục văn hoá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>485</b> | <b>475</b> | <b>472</b> | <b>28,87</b> |
| 2.1. Việc thực hiện quy định về hồ sơ, kế hoạch bài dạy của GV: Chỉ định kiểm tra 5 bộ hồ sơ GV: Tốt: 10đ/bộ, Khá: 8,0đ, ĐYC: 5,0đ, Chưa ĐYC: 0đ (Cộng tổng số điểm của 5 bộ)                                                                                                                                                                                                                                                       | 50         | 50         | 50         | 2,98         |
| 2.2. Dự giờ 3 GV (do đoàn chỉ định): Giờ xếp loại Giỏi: 10 điểm, Khá: 8,0 điểm, ĐYC: 5,0 điểm, Chưa ĐYC: 0 điểm (Lấy tổng điểm của 03 giờ dạy)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 30         | 30         | 30         | 1,79         |
| 2.3. Hoạt động tổ chuyên môn có nền nếp (Kiểm tra kế hoạch, nghị quyết tổ chuyên môn, đăng ký giảng dạy (phân phối chương trình) của giáo viên): Tốt: 20đ, Khá: 15đ, TB: 10đ, Yếu: 0đ. (Cộng số điểm của 3 tổ lấy trung bình)                                                                                                                                                                                                       | 20         | 20         | 18         | 1,19         |
| 2.4. Tổ chức tốt các chuyên đề theo kế hoạch đã xây dựng, có hồ sơ lưu giữ đầy đủ, không hình thức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 10         | 10         | 10         | 0,60         |



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |           |           |             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|-----------|-------------|
| 2.5. Có tham gia đủ các hội thi, hội giảng, chuyên đề cụm (thiếu 1 cuộc trừ 3 điểm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 10         | 10        | 10        | 0,60        |
| 2.6. Tổ chức dạy đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục. Thực hiện chương trình giảng dạy nghiêm túc, đúng, đủ theo phân phối chương trình, kết hợp lý thuyết với thực hành.                                                                                                                                                                                                                               | 15         | 15        | 15        | 0,89        |
| 2.7. Tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động học tập, tham quan ngoài lớp (tiết học ngoại khóa), kiểm tra thực tế hồ sơ, phỏng vấn học sinh.                                                                                                                                                                                                                                                                       | 10         | 10        | 10        | 0,60        |
| 2.8. Nhà trường, các tổ chuyên môn triển khai thực hiện Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT; Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; Triển khai việc "Thiết kế ra đề kiểm tra định kì theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT" (xem kế hoạch, sổ ghi Nghị quyết).                                                                                                                                                                            | 10         | 10        | 10        | 0,60        |
| 2.9. Nhà trường, giáo viên thực hiện tốt CTGDPT 2018: Bồi dưỡng GV, lựa chọn SGK, Thực hiện CTGDPT 2018 với lớp 1,2,3,4, tham gia thực hiện chuyên đề cấp cụm, cấp trường. Tốt: 30đ; Khá: 20đ, ĐYC: 10đ, Chưa ĐYC: 0đ                                                                                                                                                                                              | 30         | 30        | 30        | 1,79        |
| 2.10. Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường nghiêm túc, hiệu quả (xem hồ sơ, minh chứng) : 20đ. Có đầy đủ Kế hoạch, QĐ thành lập BTC, BGK, Kết quả đánh giá, Quyết định công nhận kết quả Hội thi. Nếu thiếu 1 nội dung trừ 4 điểm                                                                                                                                                                             | 20         | 20        | 20        | 1,19        |
| 2.11. Hội thi GV dạy giỏi cấp huyện: Trường có GV tham gia Hội thi: 50 đ; Có GV đạt giải Nhất: 20 đ; giải Nhì: 15 đ; giải Ba: 10 đ; Giáo viên giỏi: 5 đ.                                                                                                                                                                                                                                                           | 70         | 60        | 60        | 4,17        |
| 2.12. Giải Cờ vua học sinh: Trường xếp thứ 1: 70đ; XT 2-5: 65đ, XT 6-10: 55đ, XT 11-15: 45đ, XT 16-20: 40đ, XT 21-25: 35đ                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 70         | 70        | 70        | 4,17        |
| 2.13. Tổ chức các hoạt động GD tập thể:<br>Tổ chức tốt hoạt động tập thể cho HS theo chủ đề hoặc nhân các ngày lễ lớn trong năm (Trung thu, 20/11, 22/12, 26/3, Ngày Sách VN): Mỗi hoạt động có Kế hoạch, có hình ảnh, truyền thông kịp thời trên Fanpage của trường 6đ/hoạt động nếu không truyền thông 4 đ/hoạt động; Ngoài ra trong năm học tổ chức thêm từ 3-5 hoạt động được 10 đ; tổ chức 1-2 hoạt động: 5 đ | 40         | 40        | 40        | 2,38        |
| 2.14. Dạy học môn tự chọn: Triển khai dạy học tiếng Anh lớp 1-2; 4 tiết/tuần từ lớp 3 đến lớp 5: 100%: 30 điểm; Tổ chức dạy học theo năng lực sở trường (20đ). Trong đó có ít nhất 3 loại hình: 20 đ; 02 loại hình: 10 đ.                                                                                                                                                                                          | 50         | 50        | 50        | 2,98        |
| 2.15. Thực hiện tốt nội dung dạy 2 buổi/ngày (20 điểm).<br>- Tổ chức HS bán trú: (20đ); (có bảng đánh giá công tác bán trú tại trường học kèm theo).                                                                                                                                                                                                                                                               | 40         | 40        | 39        | 2,38        |
| 2.16. Phối hợp với trường THCS tổ chức kiểm tra, bàn giao HS lớp 5 vào lớp 6 năm học 2023-2024 theo đúng hướng dẫn của Phòng, Sở GDĐT.                                                                                                                                                                                                                                                                             | 10         | 10        | 10        | 0,60        |
| <b>3. Giáo dục lao động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>20</b>  | <b>20</b> | <b>20</b> | <b>1,19</b> |
| 3.1. Dạy đủ, có chất lượng chương trình môn học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 10         | 10        | 10        | 0,60        |
| 3.2. Tổ chức cho HS lao động giữ vệ sinh trường lớp thường xuyên sạch sẽ. (Kiểm tra kế hoạch chỉ đạo và lịch phân công lao động hàng tuần)                                                                                                                                                                                                                                                                         | 10         | 10        | 10        | 0,60        |
| <b>4. Giáo dục thể chất thẩm mỹ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>100</b> | <b>95</b> | <b>95</b> | <b>5,95</b> |
| 4.1. Thực hiện tốt chương trình Thể dục nội, ngoại khóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 10         | 10        | 10        | 0,60        |
| 4.2. HS có đồng phục đẹp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 10         | 10        | 10        | 0,60        |
| 4.3. Y tế học đường: Thực hiện đầy đủ các chương trình chữ thập đỏ, nha học đường, mắt học đường, ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 10         | 10        | 10        | 0,60        |
| 4.4. Giải Bóng đá học sinh: Trường xếp thứ 1: 70đ; XT 2-5: 65đ, XT 6-10: 55đ, XT 11-15: 45đ, XT 16-20: 40đ, XT 21-25: 35đ                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 70         | 65        | 65        | 4,17        |
| <b>C. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ VÀ LIÊN NGÀNH:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>60</b>  | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>3,57</b> |
| <b>I. CÔNG TÁC ĐẢNG TRONG TRƯỜNG HỌC:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>40</b>  | <b>40</b> | <b>40</b> | <b>2,38</b> |
| 1. Chi bộ hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ: 20đ, hoàn thành Tốt NV: 15đ, HTNV: 10đ (năm 2021).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 20         | 20        | 20        | 1,19        |
| 2. Tỷ lệ Đảng viên đạt 60% tổng CBGV trở lên : 10đ<br>Đạt từ 50% đến dưới 60% tổng CBGV : 8đ<br>Đạt dưới 50% tổng CBGV : 5đ                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 10         | 10        | 10        | 0,60        |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |    |     |     |      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----|-----|------|
| 3. Tổ chức cho đảng viên sinh hoạt chi bộ, đảng bộ; học Nghị quyết đủ, đúng quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 10 | 10  | 10  | 0,60 |
| <b>II. CÔNG TÁC CÔNG ĐOÀN</b><br>Đạt loại HTXSNV: 40đ; HTTNV: 30đ; HTNV: 15đ. (Căn cứ biên bản đánh giá xếp loại của LĐLĐ huyện).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |     |     | 0,00 |
| <b>III. CÔNG TÁC ĐỘI THIẾU NIÊN</b><br>Đạt loại Tốt: 40đ; Khá: 30đ; TB: 15đ. (Căn cứ biên bản đánh giá xếp loại của Đội TN).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |    |     |     | 0,00 |
| <b>IV. THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ</b><br>- Trường đạt 100% HS tham gia : 20đ<br>- Đạt từ 90% đến dưới 100% HS tham gia : 15đ<br>- Dưới 90% HS không tham gia : 10đ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 20 | 20  | 20  | 1,19 |
| <b>D. ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |    |     |     |      |
| <b>I. ĐIỂM THƯỞNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0  | 412 | 412 |      |
| - Trường có HS tham dự cuộc thi Sáng tạo TTNND:<br>+ Giải Nhất: 30đ, giải Nhì: 20đ, giải Ba: 15đ, KK: 10đ (tính trên số sản phẩm)<br>Lưu ý: Sản phẩm thi nếu không đạt giải thì đạt 5 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |    | 20  | 20  |      |
| - Trường được cử tham gia giải cờ vua cấp tỉnh: đạt giải Nhất: 30đ, Nhì: 25đ, Ba: 20đ, KK: 15đ (nếu không đạt giải thì cho điểm thưởng như giải KK)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |    | 115 | 115 |      |
| - Trường có GV (Hiệu trưởng) được cử tham gia Hội thi GVDG (Hiệu trưởng) cấp tỉnh: 20đ. Đạt giải : Xuất sắc: 45đ; Sáng tạo 35đ; GVDG (CBQL) tỉnh: 20đ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |    | 65  | 65  |      |
| - Trường tham gia Giao lưu bơi hè 2023, giải Nhất: 20đ, Nhì: 15đ; Ba: 10đ, KK: 5đ; Có học sinh tham gia: 2 đ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |    | 17  | 17  |      |
| Trường có HS đạt giải tại các cuộc thi, giao lưu khác do ngành Giáo dục tổ chức:<br>Robocon cấp huyện: Giải Nhất: 20đ, Nhì: 15đ; Ba: 10đ, KK: 5đ, tham gia thi: 10đ<br><br>+ Cấp tỉnh: Giải Nhất: 5đ/HS; Nhì: 4đ; Ba: 3đ; KK: 2đ<br>+ Cấp Quốc gia: Giải Nhất: 20đ/HS; Nhì: 18đ; Ba: 16đ; KK: 15đ<br>Thi IOE (thưởng điểm cho giải cá nhân):<br>+ Cấp huyện: Nhất 1 điểm/HS; Nhì 0,5 điểm/HS<br>+ Cấp quốc gia: Giải Nhất: 20đ/HS; Nhì: 18đ; Ba: 16đ; KK: 15đ<br>- Thi Hùng biện Tiếng Anh:<br>+ Cấp huyện: Nhất 2 đ/HS; Nhì 1,5 đ/HS; Ba: 1,0 đ/HS; KK 0,5 đ/HS<br>+ Cấp tỉnh: Giải Nhất: 6,0đ/HS; Nhì: 5,0đ/HS; Ba: 4,0đ/HS; KK: 3,0 đ/HS<br>* Các cuộc thi khác (do ngành GD tổ chức hoặc phối hợp tổ chức):<br>+ Cấp huyện: Nhất 1,0 đ/HS; Nhì 0,5 đ/HS; Ba 0.25 đ/HS;<br>+ Cấp tỉnh: Giải Nhất: 5,0 đ/HS; Nhì: 4,0 đ/HS; Ba: 3,0 đ/HS; KK: 2,0 đ/HS<br>+ Cấp quốc gia: Giải Nhất: 10,0 đ/HS; Nhì: 8,0 đ/HS; Ba: 6,0 đ/HS; KK: 5 đ/HS<br>Lưu ý: Chỉ tính thưởng 1 lần điểm ở cấp cao nhất. HS thi tỉnh, quốc gia nếu không đạt giải Nhất, Nhì, Ba thì đều cho điểm thưởng giải KK. |    | 105 | 105 |      |
| - Trường có GV tham gia HLV đội tuyển bóng đá, cờ vua cấp tỉnh: 10đ/HLV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |    | 20  | 20  |      |
| - Trường có CBGV có sáng kiến được công nhận cấp tỉnh: 20đ, cấp ngành: 10đ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |    | 40  | 40  |      |
| - Đơn vị được Phòng GDĐT lựa chọn để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trọng điểm; Trường trong Cụm chuyên môn tổ chức tốt hoạt động theo đăng ký với Phòng GD&ĐT: 30đ/ 1 hoạt động (Phòng chấm điểm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |    |     |     |      |
| - Trường có nhà đa năng, phòng học Ngoại ngữ, bể bơi: 10 điểm/loại hình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |    | 20  | 20  |      |
| - Trường có phòng thư viện thông minh, hiện đại hoạt động có hiệu quả: 10 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |    |     |     |      |
| - Trường chuẩn quốc gia năm học 2023-2024:<br>+ Đạt chuẩn quốc gia (mới): 70 điểm;<br>+ Công nhận lại: 50 điểm; Công nhận lại và nâng mức độ chuẩn: 70 điểm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |    |     |     |      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |              |               |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------|---------------|--|
| - Đơn vị có tham gia "Hiến máu nhân đạo": 5 đ/GV, không quá 10 điểm                                                                                                                                                                                                                       |             | 10           | 10            |  |
| II. ĐIỂM TRỪ                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0           | 0            | 0             |  |
| - Trường có GV, HS vi phạm kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trừ 20đ/cá nhân.                                                                                                                                                                                                               |             |              |               |  |
| - Vi phạm trong việc phát hành SGK, tài liệu, ấn phẩm: Trừ 30 điểm                                                                                                                                                                                                                        |             |              |               |  |
| - Chậm chuyển biến hoặc khắc phục những thiếu sót, tồn tại sau thanh tra, kiểm tra trừ 20 điểm.                                                                                                                                                                                           |             |              |               |  |
| - Mỗi lần nộp báo cáo muộn trừ: 3đ; Không nộp 1 báo cáo hoặc 3 lần nộp muộn hoặc có sự việc đột xuất xảy ra ( <i>cần phải báo cáo</i> ) mà không báo cáo kịp thời thì Phòng GDĐT sẽ xem xét đề nghị hạ bậc thi đua của tập thể và CBQL ( <i>bộ phận chức năng thuộc PGDĐT theo dõi</i> ). |             |              |               |  |
| - Trường bỏ mỗi hoạt động do Phòng GDĐT tổ chức hoặc chỉ đạo trừ 50 điểm/hoạt động ( <i>bộ phận chức năng thuộc PGDĐT theo dõi</i> ).                                                                                                                                                     |             |              |               |  |
| - CBQL hoặc GV bỏ không dự các cuộc họp, tập huấn, ... do Phòng GDĐT tổ chức mà không báo cáo trước, mỗi buổi trừ 10đ/người ( <i>bộ phận chức năng thuộc PGDĐT theo dõi</i> ).                                                                                                            |             |              |               |  |
| - Đơn vị không duy trì được trường chuẩn QG sau 5 năm trừ 50 điểm.                                                                                                                                                                                                                        |             |              |               |  |
| - Không có công trình VS riêng cho GV, HS: Trừ 10đ.                                                                                                                                                                                                                                       |             |              |               |  |
| - Thực hiện chưa đầy đủ kế hoạch, các loại báo cáo về công tác Thư viện, thiết bị, trừ 20đ. ( <i>Bộ phận Sách - Thiết bị có danh sách</i> )                                                                                                                                               |             |              |               |  |
| - Đối với trường để mất tài sản tập thể dưới 10 triệu đồng. Trừ: 20đ; Trên 10 triệu đồng: Trừ 30đ.                                                                                                                                                                                        |             |              |               |  |
| <b>Tổng điểm:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>1455</b> | <b>1841</b>  | <b>1823</b>   |  |
| <b>Điểm 100</b>                                                                                                                                                                                                                                                                           |             | <b>126,5</b> | <b>125,26</b> |  |

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐOÀN

Nguyễn Văn Thung

Phó trưởng phòng  
Tiêu Văn Hải

\* Lưu ý: